

MỘT SỐ ĐẶC ĐIỂM VÀ CHÍNH SÁCH ĐẦU TƯ RA NƯỚC NGOÀI CỦA CÁC NHÀ ĐẦU TƯ EU TRƯỚC KHỦNG HOẢNG KINH TẾ TOÀN CẦU

Ths. Nguyễn Xuân Trung
Viện Nghiên cứu Châu Mỹ

Giới thiệu

Thu hút đầu tư nước ngoài từ các nhà đầu tư hàng đầu thế giới đang là mong muốn của Việt Nam trong giai đoạn hiện nay. Để thu hút một cách hiệu quả dòng đầu tư, Việt Nam cần phải nắm bắt được chiến lược của các nhà đầu tư. Đầu tư ra nước ngoài của EU có nhiều điểm giống như đầu tư của Mỹ thiên về đáp ứng nhu cầu ở nước nhận đầu tư hoặc nhóm nước nếu phát triển chuỗi giá trị khu vực. Họ không tập trung nhiều vào sản xuất hàng xuất khẩu như những công ty của các nước Hàn Quốc, Singapore hay Đài Loan... Đầu tư ra nước ngoài của các công ty EU quan tâm đến *khả năng tiếp cận thị trường* hay khả năng chi trả của người dân của nước nhận đầu tư và coi đó là nền tảng để xây dựng chiến lược đầu tư của mình. Họ không coi lao động rẻ hay tài nguyên thiên nhiên dồi dào để có được chi phí sản xuất thấp hơn là yếu tố quyết định như một số công ty ở khu vực Đông Á. Đây là đặc điểm Việt Nam cần lưu ý để có chiến lược phù hợp thu hút đầu tư của các công ty của EU vì Việt Nam có lợi thế lao động rẻ, tài nguyên phong phú nhưng không có lợi thế về sức mua thị trường do người dân Việt Nam vẫn

nghèo và trình độ của lao động Việt Nam thấp.

Đầu tư ra nước ngoài của EU mang tính tập trung cao

Một đặc điểm đáng chú ý là hoạt động đầu tư ra nước ngoài của các công ty của EU mang tính tập trung cao. Điều này cũng lý giải tại sao, trong thời gian qua, các nước như Mỹ, Canada, Thụy Sĩ nói riêng và các nước phát triển nói chung vẫn là nơi nhận được nhiều vốn đầu tư nhất của EU. Những yếu tố chính thu hút sự đầu tư của các công ty EU vào những thị trường này là qui mô lớn, sự giàu có và tính liên kết cao của các thị trường ở đây (có sức mua thị trường lớn). Mỹ, Canada và Thụy Sĩ là 3 nước thu hút nhiều nhất dòng FDI của EU năm 2006. Trong số 260 tỷ euro đầu tư ra nước ngoài của EU năm 2006 thì thị trường Mỹ đạt mức 72 tỷ (chiếm 28%) dòng ra của EU (tăng 130% so với năm 2005). Dòng FDI của EU vào Canada năm 2006 cũng tăng trưởng mạnh đạt mức cao nhất kể từ năm 2001 với 30,4 tỷ (chiếm 12% tổng dòng ra của EU), theo sau là Thụy Sĩ với 21 tỷ và chiếm 8%¹.

¹ EU FDI Yearbook 2008.

Đầu tư nội khối chiếm tỷ trọng lớn

Cũng xuất phát từ lý do tiếp cận thị trường và một vài lý do khác mà các nước EU đầu tư lẫn nhau chiếm tỷ trọng lớn trong đầu tư ra bên ngoài của các thành viên EU. Các nước thành viên EU đều là những nước phát triển, khả năng tiêu thụ sản phẩm của người dân lớn, cơ sở hạ tầng phát triển, tính liên kết thị trường cao. Hơn nữa, những nước này có nhiều thuận lợi vì họ cùng trong cộng đồng kinh tế với nhiều thuận lợi đặc thù. Trong lý thuyết về đầu tư nước ngoài, các học giả đã phân tích một lý do khiến các nước đầu tư ra nước ngoài là nhằm tránh những rào cản hàng hóa mà các chính phủ nước sở tại đặt ra. Vậy thì đầu tư ở những nước trong cùng liên minh sẽ không phải gặp những trở ngại này. Không những thế, EU còn có chính sách phát triển vùng, chiến lược xây dựng và phát triển Cộng đồng Châu Âu. Vì thế các công ty ở EU được khuyến khích đầu tư lẫn nhau ở trong khu vực EU. Cường độ quan hệ FDI song phương của một số nước EU chủ chốt (nước đầu tư) với các nước châu Âu khác nhìn chung đã tăng, gọi ra sự liên kết khu vực tăng lên thông qua FDI. Chẳng hạn, cường độ FDI của Anh với tư cách nước đầu tư ở Thụy Điển đã tăng từ 0,6 đến 1,6 giai đoạn 1995-2005, và từ 0,4 tới 0,9 với Áo².

Sự thuận lợi do liên kết khu vực mang lại cũng là nhân tố níu kéo các công ty của EU ở lại khu vực, đặc biệt những công ty ở các nước phát triển cao như Pháp, Anh, Đức... đầu tư ở các nước thành viên kinh tế

yếu hơn cũng như những thành viên mới gia nhập EU. Điều đó còn chưa kể đến các nước mới gia nhập EU, phần lớn là các nước Đông Âu, đang trong quá trình chuyển đổi nền kinh tế. Họ đang tiến hành tư nhân hóa mạnh mẽ, tạo ra rất nhiều cơ hội cho các nhà đầu tư nước ngoài. Vì thế đầu tư của các nước trong Liên minh Châu Âu chủ yếu là đầu tư lẫn nhau và các thành viên cũ phát triển hơn đầu tư vào các thành viên mới là điều hoàn toàn dễ hiểu.

Tỷ phần đầu tư trực tiếp của EU-15 vào các thành viên mới trong tổng dòng FDI ra của EU đã tăng rất nhanh sau khi sụt giảm đến mức thấp nhất năm 2003³. Xu hướng tăng đầu tư EU-15 vào các thành viên mới vẫn được duy trì trong năm 2005. Sau sự sụt giảm tới 5,1 tỷ EUR năm 2003, dòng đầu tư đã tăng từ 18,3 tỷ EUR năm 2004 lên mức kỷ lục là 32,4 tỷ năm 2005. Thực tế, trong 2 năm 2004 và 2005, dòng đầu tư ra ngoài của EU-15 vào các thành viên mới đã tăng nhanh hơn dòng đầu tư ra ngoài của EU-15 nói chung, lần lượt là 256% và 77% năm 2004 và 2005, trong khi tỷ lệ tăng trưởng của tổng dòng FDI ra của EU-15 cùng thời gian trên là 9% và 30%⁴. Trong năm 2005, 17% trong tổng số dòng ra nước ngoài của EU-15 là tới các thành viên mới. Sự tăng trưởng dòng đầu tư này chủ yếu do sự hồi phục đầu tư ở Cộng hòa Séc và sự tăng trưởng ổn định ở các thành viên khác (xem thêm bảng 1).

³ EUROSTAT (2007), *Economic and Finance: Statistic in focus*, 106/2007, EC 2007.

⁴ EUROSTAT (2007), *Economic and Finance: Statistic in focus*, 106/2007, EC 2007.

² WIR 2007, p.21.

Bảng 1: Dòng FDI của EU-15 đến các thành viên mới (tỷ USD)

	2003	2004	2005	2006
Ngoài EU-15 (1)	137,95	149,884	194,82	285,7
Tổng NMS *	5,15	18,324	32,426	37,2
Tỷ trọng của (2)/(1)	4%	12%	17%	13%
Bungary	0,34	0,146	1,961	0,9
CH Séc	-2,38	-2,080	4,597	3,3
Estonia	0,102	0,115	2,092	0,2
Síp	-0,47	0,694	2,55	2,0
Latvia	-0,177	0,216	-0,033	0
Lithuania	0,207	0,156	-0,141	0,2
Hungary	4,212	7,568	11,025	4,3
Malta	0,688	1,479	2,167	12,0
BaLan	1,663	6,081	2,639	3,5
Rumani	0,815	2,968	3,877	7,4
Slovenia	0,646	0,189	0,507	0,4
Slovakia	-0,503	0,792	1,185	3,0

Nguồn: Eurostat, *Statistics in focus*, 106/2007; năm 2006 từ: Eurostat, *Statistics in focus*, 71/2008, EC.

Ghi chú: NMS: các nước thành viên mới

Năm 2006, đầu tư của EU-15 vào các thành viên mới đạt 37,2 tỷ EUR. Lĩnh vực dịch vụ, đặc biệt là các trung gian tài chính, dịch vụ kinh doanh và viễn thông nổi bật hơn cả trong đầu tư vào các thành viên mới. Hungary là địa điểm đến chính của dòng đầu tư vào các thành viên mới. Đến năm 2005 là năm thứ 3 liên tiếp, nơi thu hút đầu tư chính của EU-15 là Hungary, đạt kỷ lục tăng trưởng từ 7,6 tỷ EUR năm 2004 tới 11 tỷ EUR năm 2005. Nước này đã thu hút 1/3 trong tổng dòng đầu tư vào các thành viên mới. Dòng đầu tư vào CH Séc đứng vị trí thứ hai (14% tổng số). Năm 2003 và 2004, Rumani là nơi thu hút đầu tư quan trọng thứ 3 (12% tổng số) với 3,9 tỷ EUR. Tuy nhiên, sang năm 2006, Malta trở thành nước thu hút lớn nhất, tiếp đến là Rumani và Hungary.

Trong khi đó dòng đầu tư ra ngoài của 12 nước thành viên mới vẫn rất thấp so với con số này của EU-15, chỉ khoảng 1% so với tổng đầu tư ra ngoài của EU-27. Các thành viên mới đầu tư chủ yếu ở các nước láng giềng.

Các nhà đầu tư EU đang chú ý đến các thị trường đang nổi⁵, tuy nhiên chi đặc biệt chú ý những thị trường lớn và có tốc độ tăng trưởng nhanh.

Đó là lý do tại sao những năm qua, các thị trường đang nổi là nơi được nhiều nhà đầu tư chú ý, nhưng đầu tư của EU vẫn biến động thất thường. Xét về tổng thể, đây là các nước có thu nhập thấp nên đầu tư sang các

⁵ Gồm các nước Mỹ Latinh, châu Á (trừ Trung cận Đông và Nhật Bản), Trung Đông Âu và Nga. Địa Trung Hải.

nước này EU sẽ có cơ hội tiếp cận với nguồn lao động rẻ. Nhưng do yếu tố tiếp cận thị trường vẫn là cơ bản, nên đầu tư của EU vào những nước này không diễn ra một cách ồ ạt, thậm chí có những năm còn giảm. Tuy nhiên, xu hướng chung là đầu tư vào những thị trường này đang tăng lên.

Trong giai đoạn 1999-2006, dòng FDI của EU vào thị trường đang nổi dao động mạnh, với năm 2001 là năm đỉnh điểm tăng trưởng 74% so với năm 2000. Dòng đầu tư năm 2002 và 2003 thể hiện những nét tiêu cực, giảm từ 104 tỷ EUR năm 2001 xuống còn 30 tỷ năm 2003. Sau đó dòng đầu tư này

lại tăng trưởng trở lại và đạt đỉnh điểm năm 2006 với 73 tỷ EUR.

Tỷ phần đầu tư vào các thị trường đang nổi so với tổng đầu tư ra ngoài của EU đã tăng từ năm 1999 (18,9%) đến năm 2001 (36,3%), đây cũng là năm có khối lượng đầu tư cao nhất trong khu vực. Từ năm 2001, tỷ phần có sự suy giảm từ 26,7% năm 2002 xuống 23,9% năm 2003. Tỷ trọng đầu tư vào các nước mới nổi vẫn khá ổn định, trừ năm 2004 là năm đỉnh điểm, tỷ trọng là 42%. Năm 2006 tỷ trọng giảm còn 28%, bằng với mức của năm 2002.

Bảng 2: Tỷ trọng đầu tư vào các thị trường đang nổi trong tổng đầu tư ra ngoài của EU (%): EU27 (2004 - 2006), EU25 (2001 - 2003), EU15 (1999 - 2000)

	1999	2000	2001	2002	2003	2004	2005	2006
Thị trường đang nổi	18,9	13,7	36,3	28	25	42	27	28
Châu Á	5,7	2,0	22,6	14	11	19	12	10
Mỹ Latinh	11,7	9,6	10,2	8	4	14	5	5
MPC	0,4	1,2	1,4	3	3	3	3	6
CEECR	1,1	0,8	2,1	3	7	5	8	7

Nguồn: 2002-2006: EU FDI Yearbook 2008; 1999-2001: EU FDI Yearbook 2005.

Chú thích: MPC: Israel, Thổ Nhĩ Kỳ, Machrek và Maghreb).

CEECR: Anbani, Bosnia&Herzegovina, Croatia, Macedonia (nước cộng hòa thuộc Nam Tư cũ), Serbia, Montenegro, Russia, Belarus và Ucraina.

Châu Á: trừ Nhật Bản và các nước Trung Cận Đông.

Nhận định trên còn được minh chứng thêm khi xem xét đầu tư của EU vào các nước BRIC (Brazil, Nga, Ấn Độ và Trung Quốc). Đây là những nước đang nổi lên như

là điểm sáng về thu hút FDI trên thế giới. Mặc dù đầu tư của EU vào các nước BRIC tăng mạnh trong năm 2007 nhưng đầu tư vào Trung Quốc lại giảm trong nhiều năm.

Bảng 3: Đầu tư của EU vào các nước BRIC 2004-2007 (tỷ EUR)

Đầu tư đến	2004	2005	2006	2007
Ngoài EU	142,3	234,5	275	419,9
BRIC	28,5	29,6	27,3	43
Brazil	5,7	7,4	5,4	7,1
Nga	6,0	9,6	10,7	17,1
Ấn Độ	1,6	2,5	2,5	10,9
Trung Quốc,	15,2	10,1	8,7	7,8
trong đó có	11,3	3,9	2,7	6
Hồng Kông				

Nguồn: Eurostat, Statistics in focus, 64/2008, EC.

Trung Quốc trong nhiều năm qua đạt tốc độ tăng trưởng kinh tế vào loại nhanh nhất thế giới. Nước này cũng được đánh giá là nơi hấp dẫn đầu tư nhất thế giới, và hiện nay, họ đã trở thành một trong hai nước thu hút nhiều đầu tư nước ngoài nhất thế giới. Tuy nhiên, đầu tư của EU vào Trung Quốc có xu hướng giảm trong vòng 4 năm từ 2004 đến 2007. Điều đó cho thấy những hấp dẫn của Trung Quốc không thực sự thuyết phục được các nhà đầu tư EU. Điều này khiến Việt Nam phải đặc biệt chú ý đến những chính sách đầu tư của EU. Việt Nam là nước đi sau Trung Quốc, những lợi thế của Việt Nam so với EU cũng gần tương tự của Trung Quốc với EU. Để thu hút đầu tư của EU, Việt Nam cần có chính sách phù hợp với mong muốn của các nhà đầu tư EU.

Các nhà đầu tư EU rất chú trọng đến vị trí chiến lược của nước nhận đầu tư

Các nhà đầu tư EU thường là những công ty xuyên quốc gia muốn phát triển mạng lưới sản xuất và phân phối khép kín trong khu vực chứ không chỉ ở một nước với sự liên kết cao và phân công chặt chẽ rõ ràng. Do đó, vị trí địa - kinh tế có ý nghĩa rất quan trọng. Điều này có thể nói Việt Nam là một lợi thế. Với một vị trí hết sức thuận lợi, Việt Nam là nơi thông thương giao lộ của hàng hải, hàng không khu vực Đông Nam Á và thế giới. Với các con đường xuyên Á và cả tuyến đường từ Đông sang Tây như một cây cầu nối Ấn Độ Dương với Thái Bình Dương, tạo ra con đường vận tải ngắn nhất từ Tây sang Đông trong tương lai gần, cho nên Việt Nam cần sớm tranh thủ lợi thế này.

Các nhà đầu tư EU cũng rất coi trọng hạ tầng (phần cứng và mềm) của nước nhận đầu tư

Đây là điều kiện khẳng định hoạt động sản xuất và kinh doanh của các công ty của

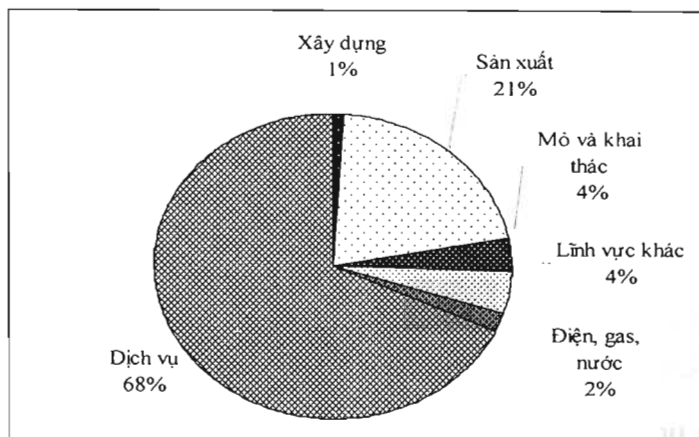
EU có diễn ra một cách trôi chảy không. Cơ sở về thông tin liên lạc, điện, giao thông vận tải... có ảnh hưởng lớn đến chi phí đầu vào của quá trình sản xuất và ảnh hưởng đến khả năng cạnh tranh của sản phẩm của họ. Ngoài ra, các nhà đầu tư EU cũng đặc biệt quan tâm đến chất lượng nguồn nhân lực. Như đã nói ở trên, các nhà đầu tư EU không chú trọng nhiều vào nguồn lao động rẻ như các nhà đầu tư Đông Á (thường sản xuất hàng cần nhiều lao động), mà họ quan tâm là trình độ lao động đó. Đầu tư của EU tập trung nhiều vào các lĩnh vực dịch vụ và chế tạo, chế biến sâu nên đòi hỏi trình độ chuyên môn kỹ thuật và kỹ năng quản lý của lao động cao, phong cách chuyên nghiệp. Nguồn nhân lực có dồi dào đi chăng nữa nhưng trình độ thấp thì chưa phải là yếu tố hấp dẫn được các nhà đầu tư EU.

Tập trung nhiều vào lĩnh vực dịch vụ

Tính tập trung cao của dòng vốn đầu tư ra nước ngoài của EU còn thể hiện thông qua sự phân bố của chúng theo ngành. Các ngành dịch vụ, chế biến là nơi nhận được nhiều đầu tư nhất. Tiếp đến là các ngành khai thác và lọc dầu. Điều này hoàn toàn có cơ sở khi nói rằng đầu tư của EU trong những năm gần đây chủ yếu là đầu tư để phục vụ cho các thị trường ở nước sở tại chứ không phải sản xuất hàng hóa để xuất khẩu vào các thị trường phát triển như những năm 70, 80 thế kỷ trước. Các nhà đầu tư EU cũng nhìn nhận Việt Nam với chiều hướng tích cực hơn, bởi lẽ sức mua của thị trường Việt Nam hiện nay đang tăng trưởng rất nhanh cộng với dân số hơn 80 triệu người phần lớn là trong độ tuổi lao động. Đặc điểm này cho thấy Việt Nam có triển vọng lớn trong việc thu hút đầu tư của EU.

Biểu đồ 1: Cơ cấu lĩnh vực đầu tư của EU ra nước ngoài

(Tính đến hết năm 2005)



Nguồn: EU FDI Yearbook 2008

Những thay đổi trong lĩnh vực đầu tư cũng rõ nét. Nếu như từ thập kỷ 1980 trở về trước, EU đầu tư nhiều vào các ngành nguyên liệu, đặc biệt là khai thác dầu, và ngành công nghiệp chế tạo, thì thập kỷ 1990 đến nay lại tập trung vào ngành dịch vụ (thông tin, thương mại, ngân hàng, tài chính, bảo hiểm...). Tính đến hết năm 2005, lĩnh vực dịch vụ chiếm 68% tổng đầu tư của EU ra nước ngoài, nhiều hơn gấp 3 lần lĩnh vực sản xuất chế tạo là lĩnh vực đứng thứ hai. Trong lĩnh vực dịch vụ, đầu tư vào trung gian tài chính chiếm vị trí thống trị, tiếp đến là các ngành dịch vụ kinh doanh, vận tải và truyền thông. Trong khi đó, đầu tư của EU vào lĩnh vực nông-lâm-ngư nghiệp chiếm số lượng rất nhỏ, khoảng 1,2 tỷ EUR tính đến năm 2005.

Trong giai đoạn 2002-2005, tổng đầu tư ra nước ngoài của EU tăng 646.586 triệu EUR, riêng đầu tư trong lĩnh vực dịch vụ tăng 403.171 triệu EUR và lĩnh vực sản xuất chế biến tăng 97.683 triệu EUR⁶. Điều này khiến cho tỷ trọng đầu tư vào dịch vụ tăng từ 65% tính đến hết năm 2002 lên 68% năm 2005, trong khi lĩnh vực sản xuất chế biến giảm từ 25% năm 2002 xuống mức 21% năm 2005. Trong giai đoạn 1998-2002, đầu tư vào lĩnh vực dịch vụ tăng lên 805.936 triệu EUR so với đầu tư vào lĩnh vực sản xuất chế tạo

tăng 231.793 triệu EUR trong tổng đầu tư ra nước ngoài của EU giai đoạn này là 1.257.404 triệu EUR⁷.

Đặc điểm đầu tư ra nước ngoài của EU cũng thể hiện rất rõ ở tỷ phần đầu tư vào lĩnh vực sản xuất, dịch vụ và các lĩnh vực khác của EU và đã thay đổi mạnh giữa các đối tác. Đầu tư của EU chủ yếu vào lĩnh vực dịch vụ, nhưng đó là ở thị trường các nước phát triển. Trong phần lớn các thị trường đang phát triển, lĩnh vực dịch vụ không phải là đầu tư chủ yếu của EU mà là lĩnh vực sản xuất chế tạo. Điều này có liên quan mật thiết với đặc điểm về khả năng tiếp cận thị trường đã phân tích ở trên. Những thị trường có sức mua lớn, thu nhập người dân cao, sự phát triển của ngành dịch vụ cũng cao hơn. Mỹ, Nhật, Thụy Sĩ có sự giống nhau về mô hình thu hút đầu tư EU, với tỷ phần theo thứ tự đứng đầu là dịch vụ, sau đến sản xuất chế tạo và các lĩnh vực khác. Đặc biệt, lĩnh vực dịch vụ có tỷ phần trung bình lớn hơn hẳn so với các lĩnh vực khác đứng thứ hai. Lĩnh vực sản xuất cho thấy có sự tương phản về thị phần đầu tư ở 3 đối tác này, chiếm tỷ lệ nhỏ như một kết quả sự thối đầu tư. Trong năm 2005, đầu tư vào dịch vụ của EU ở Thụy Sĩ chiếm tới 95%, Nhật Bản 81% và Mỹ 72%, trong khi đó đầu tư vào các nước đang phát triển khác nhiều. Các nước Brazil, Nga, Ấn Độ,

⁶ EU FDI Yearbook 2008.

⁷ EU FDI Yearbook 2005.

Trung Quốc (BRICs) là những thị trường đang phát triển mạnh. Năm 2005, đầu tư EU vào lĩnh vực dịch vụ ở Brazil chiếm 39% so với 36% của ngành sản xuất. Ba nước còn lại cũng có bức tranh tương tự: Thị trường Nga tương ứng là 16% so với 36% của ngành sản xuất; Thị trường Ấn Độ là 43% so với 14%; Thị trường Trung Quốc là 37% so với 48%. Tuy nhiên, đầu tư EU vào Hồng Kông (Trung Quốc) có bức tranh khác hẳn, 66% so với 19%⁸. Điều này càng chứng tỏ đặc điểm đầu tư vào các thị trường phát triển là chủ đạo của EU.

Kết luận

Đầu tư của các doanh nghiệp EU có nhiều khác biệt so với các doanh nghiệp Đông Á. Nhìn chung, Việt Nam rất thuận lợi trong việc thu hút đầu tư của EU bởi lẽ Việt Nam là nước đông dân nên hứa hẹn sức mua rất lớn khi thu nhập của người dân Việt Nam tăng lên. Đối với Việt Nam, vấn đề trước mắt là cần cải thiện hạ tầng vật chất và nâng cao chất lượng lao động, những yếu tố mà các nhà đầu tư EU rất coi trọng khi đầu tư.

Tài liệu tham khảo

1. Eurostat (2005), *EU FDI Yearbook* 2005.
2. Eurostat (2008), *EU FDI Yearbook* 2008.
3. Eurostat, *Economic and Finance: Stastistic in focus*, 106/2007, EC 2007.
4. Eurostat, *EU-15 FDI in the new Member States, Statistics in focus*, 71/2008, EC.
5. Eurostat, *EU-27 FDI in BRIC increased by more than 50% in 2007, Statistics in focus*, 64/2008, EC.
6. Eurostat, *EU FDI in Croatia and Turkey, Statistics in focus*, 68/2008, EC.
7. Eurostat, *EU-15 FDI in the new Member States continues to increase, Statistics in focus*, 106/2007, EC.
8. Eurostat, *EU25 FDI 2001-2003 data, Statistics in focus*, 5/2004, EC.
9. EU Blue Book, 2007.
10. UNCTAD, *World Investment Report 2001, 2002, 2003, 2004, 2005, 2006, 2007*.

⁸ EU FDI Yearbook 2008.